VISecurities

22/09/2021

Bản tin chứng khoán



Trong số này

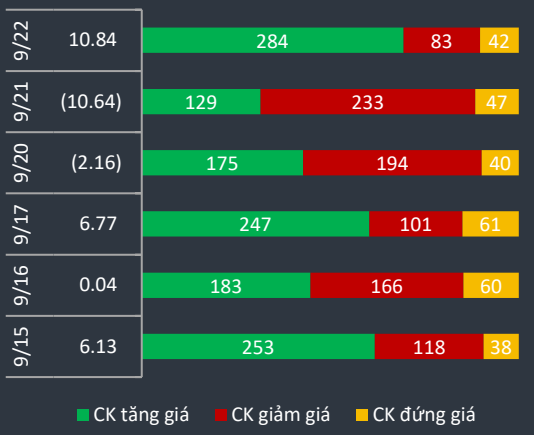
Nhận định P.1

Danh mục CP P.2

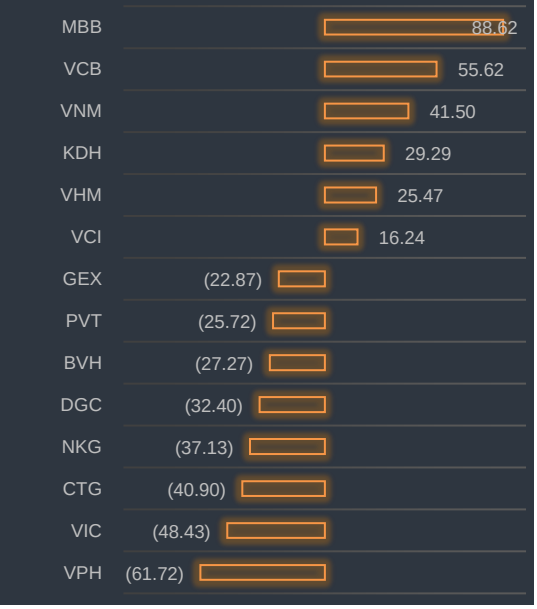
Tin Doanh nghiệp P.3

Bộ lọc CP P.4

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường quốc tế đêm qua đã hồi phục đáng kể sau một ngày chao đảo bởi thông tin từ tập đoàn BDS Trung Quốc. Thị trường trong nước phiên sáng đã chớm xanh từ lúc mở cửa và bắt đầu tăng tốc vào cuối giờ giao dịch buổi sáng. Chỉ số VN-Index càng tăng tốc tốt hơn về cuối phiên nhờ sự phục hồi của nhóm vốn hóa lớn, bên cạnh đó nhóm vốn hóa vừa và nhỏ đồng loạt hút tiền giúp thị trường lấy lại sắc xanh.

Nhóm ngành nổi bật nhất là Bảo hiểm khi thông tin Bộ Kế Hoạch Đầu Tư đưa ra danh sách các ngành nghề được nới room lên 100%, trong đó đáng chú ý là lĩnh vực bảo hiểm. Dựa theo bản tin thì lĩnh vực bảo hiểm được phép nâng room lên 100% cho cả mảng nhân thọ, phi nhân thọ, sức khỏe và cả tái bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm cũng không thuộc 7 lĩnh vực Nhà nước sẽ nắm 65% vốn điều lệ sau chuyển đổi cổ phần hóa, thoái vốn theo Quyết định số 22 của Thủ tướng Chính phủ. Hầu hết cổ phiếu bảo hiểm trong ngày như ABI, BVH, ABI, PTI, BIC … đều tăng trên 5% trong đó nhóm cổ phiếu bảo hiểm trên sàn Upcom và HNX tăng mạnh mẽ hơn so với sàn HOSE.

Trong khi hầu hết các nhóm ngành đều phục hồi thì nhóm ngân hàng lại tụt về phía sau với hơn phân nửa cổ phiếu mất điểm trong ngày. VCB tăng tốt nhất 1.5%, các mã còn lại MSB, BVB, TPB chỉ trên tham chiếu một chút. OCB có thời điểm chớm xanh trong ngày nhưng đóng cửa giảm nhẹ -1.2% về 24.05. Thanh khoản trong ngày của OCB cũng sụt giảm mạnh so với phiên trước đó chỉ còn chưa đến 2 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

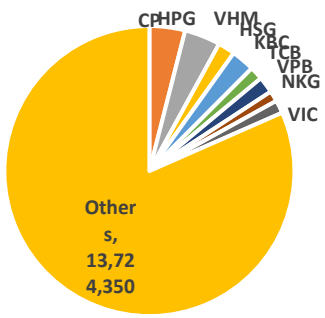
Các nhóm ngành xây dựng, VLXD, khoáng sản, bán lẻ tiếp tục duy trì mức tăng tốt trong ngày có trên 307 mã tăng so với chỉ 104 mã giảm. Nhóm cổ phiếu BMC, CSV, DGC vẫn duy trì lực cầu lớn tiếp tục tăng trần dư mua. Nhóm BDS KCN nổi bật có sự trở lại của SZC cùng ITA, IDC, KBC, GVR, LHG, TIP. Các nhóm bán lẻ DGW, MWG.

Khối ngoại trong ngày bán ròng 240 tỷ đồng trong đó có giao dịch bán từ VPH khoảng 61.7 tỷ, cùng với VIC, CTG, NKG, DGC. Phía mua ròng có hai cổ phiếu ngân hàng mua ròng nhiều nhất MBB mua ròng 88 tỷ và VCB 55.6 tỷ đồng. Một số blue chip khác cũng mua ròng nhiều trong ngày như VNM, KDH, VHM.

Vnindex 1,350.68

▲ +10.84 (+0.81%)





Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BVH	59.0	3,300	5.92
PNJ	93.1	3,000	3.33
VNM	91.5	2,700	3.04
REE	68.0	2,000	3.03
MSN	147.0	3,500	2.44
HVN	25.9	500	1.97
GVR	37.0	600	1.65
MWG	125.7	1,900	1.53
VCB	99.5	1,500	1.53
POW	11.8	150	1.29
PLX	50.1	500	1.01
DHG	101.8	800	0.79
VHM	78.0	500	0.65
VIC	86.1	500	0.58
BCM	45.4	200	0.44
TPB	40.1	100	0.25
GAS	88.4	200	0.23
TCB	50.5	100	0.20
HPG	50.9	100	0.20
VRE	28.5	50	0.18
NVL	103.1	100	0.10
SAB	158.0	-	-
MBB	28.0	-	-
BID	39.6	(50)	(0.13)
VPB	66.8	(100)	(0.15)
VJC	123.3	(200)	(0.16)
FPT	93.2	(300)	(0.32)
STB	26.7	(100)	(0.37)
HDB	25.5	(100)	(0.39)
CTG	31.4	(150)	(0.48)
ACB	31.6	(200)	(0.63)
SSI	41.8	(300)	(0.71)
PDR	81.0	(600)	(0.74)
VIB	38.8	(700)	(1.77)

Chỉ số Vnindex lấy lại đầy đủ 10.8 điểm đúng bằng những gì đã mất phiên hôm qua. Tuy vậy thanh khoản chung thị trường có phần sụt giảm do sự chựng lại của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Thị trường sẽ còn tiếp tục dao động quanh vùng hiện tại nhưng tâm lý sẽ dần ổn định trong khi ngưỡng cản 1360 – 1370 vẫn là vùng kháng cự khá khó chịu. Việc thị trường biến động liên tục sẽ tạo điều kiện nhà đầu tư lướt sóng ngắn nhanh hơn nhưng biên lợi nhuận sẽ không cao. Nhà đầu tư tiếp tục chiến lược mua dần ở những nhịp điều chỉnh và chốt lãi khi giá đạt mục tiêu hoặc chạm các ngưỡng kháng cự ngắn hạn.

Thép: HPG, HSG, NKG

Phân đạm: DCM, DPM

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG

Ngân hàng: OCB, TPB, VPB, MBB

Các ngành khác: DGC, GVR, FPT, SZC, VCI, DPR, BVH, ABI

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DPR	68.7	(2.6)	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	2.5%
IDC	52.0	17.6	45	65	Mua vào quanh 5052	9/21/2021	4.0%
REE	68.0	4.6	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	33.3%
GVR	37.0	(3.9)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	25.9%
HCM	53.1	-	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 52-53	7/12/2021	18.0%
VCI	63.4	1.4	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 62	7/12/2021	29.4%
SSI	41.8	(2.6)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	26.7%
MBB	28.0	2.0	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-3.4%
OCB	24.1	8.1	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	4.8%
HPG	50.9	(1.4)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	13.1%
STB	26.7	0.4	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-4.6%
KBC	43.0	2.6	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	10.3%
DGW	118.0	0.4	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	136.0%
MWG	125.7	0.9	130	190	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 120	2/3/2021	47.9%

Tin Doanh Nghiệp

PVT - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Price: 23,950

Báo cáo sớm kết quả kinh doanh 9 tháng

Giá mục tiêu	**28,000 (+17%)**
Lợi nhuận 2021F	**750 tỷ**
EPS forcast	2,322
PE forcast	10.2
Ngưỡng hỗ trợ	21,000
Ngưỡng kháng cự	30,000

Lợi nhuận 9 tháng đã vượt kế hoạch 30%

Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVT) vừa công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm với doanh thu ước đạt 5.430 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 650,8 tỷ đồng, lần lượt tăng gần 2% và 15% so với cùng kỳ năm ngoái.

Với kết quả này, PVTrans đã thực hiện được 91% kế hoạch doanh thu và vượt 30% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm. Sau khi nhận lỗ gần 60 tỷ đồng trong tháng 7, hai tháng gần đây PVTrans có lãi trở lại và đã vượt 30% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm.

Trước đó công ty đã công bố doanh thu 8 tháng đầu năm 4.930 tỷ đồng, lãi trước thuế hợp nhất khoảng 620,8 tỷ đồng và vượt 24% mục tiêu lợi nhuận năm. Như vậy tính riêng trong tháng 9, PVTrans đã thu về 500 tỷ đồng doanh thu cùng khoản lãi trước thuế 30 tỷ.

Liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, tuần trước, một thành viên của PVTrans đã tiếp nhận đầu tư tàu Shamrock Jupiter với tải trọng 19.387 DWT tại cảng Santos – Brazil. Tàu ngay sau đó đã được công ty đưa vào khai thác vận tải tại thị trường châu Mỹ.

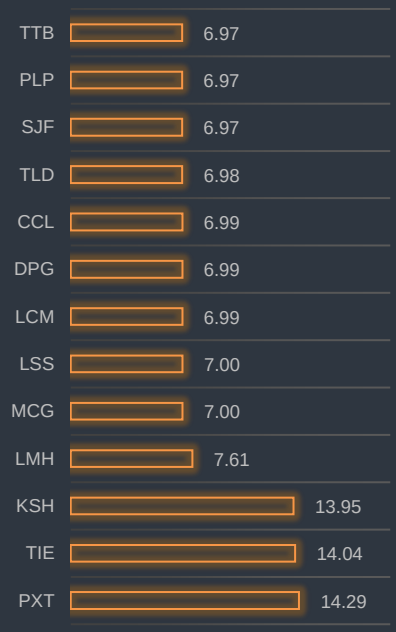
Việc đón tàu Shamrock Jupiter đã nâng tổng trọng tải của đội tàu PVTrans lên hơn 1 triệu tấn DWT, trong đó 80% đội tàu đang hoạt động tại thị trường quốc tế.

PVT	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	6T.2021
Doanh thu	5,268	5,761	6,734	6,148	7,523	7,758	7,383	3,581
Lợi nhuận	341	368	416	450	652	821	669	354
Lợi Nhuận Gộp	549	777	762	846	1,083	1,191	1,118	629
Chi phí lãi vay	(95)	(97)	(123)	(152)	(122)	(169)	(143)	-
KLCP DLH (triệu CP)	256	256	281	281	281	281	324	324
VCSH	3,131	4,325	4,333	4,662	5,140	5,691	6,279	6,276
Tổng Tài Sản	9,350	9,656	9,070	9,204	10,202	10,997	11,090	12,452
Vay Ngắn Hạn	629	902	530	537	663	1,015	615	671
Vay Dài Hạn	3,238	2,716	2,432	2,153	2,325	2,419	1,987	2,679
Tổng Nợ vay	**3,868**	**3,618**	**2,962**	**2,690**	**2,988**	**3,433**	**2,603**	**3,350**
Book Value	12,236	16,906	15,397	16,564	18,262	20,221	19,400	19,391
EPS	1,333	1,439	1,477	1,599	2,317	2,916	2,069	2,239





Top tăng giá HOSE



Top tăng giá HNX



HBC - CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình - Ngày 29/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20:1 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), tương đương HBC sẽ phát hành thêm hơn 11,54 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

VRG - CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG - Công ty dự kiến phát hành 1,59 triệu cổ phiếu ESOP, tỷ lệ phát hành là 1,74%. Nguồn vốn thực hiện là Quỹ khen thưởng Ban điều hành và Quỹ khen thưởng – Phúc lợi của Công ty. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Thời gian dự kiến phát hành từ ngày 20/9 đến ngày 31/12/2021.

VGC - Tổng công ty Viglacera - CTCP - Đã ký hợp đồng với Tổng công ty IDICO – CTCP (Mã CL IDC) về việc nhận chuyển nhượng 30% vốn tại Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ (PFG) để nâng sở hữu lên 65% vốn điều lệ.

ABS - CTCP Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận – Đã thông qua việc chuyển nhượng 20% số cổ phần đang nắm giữ tại công ty con là CTCP VCD Riverbank, với giá tối thiểu 15.000 đồng/cổ phần.

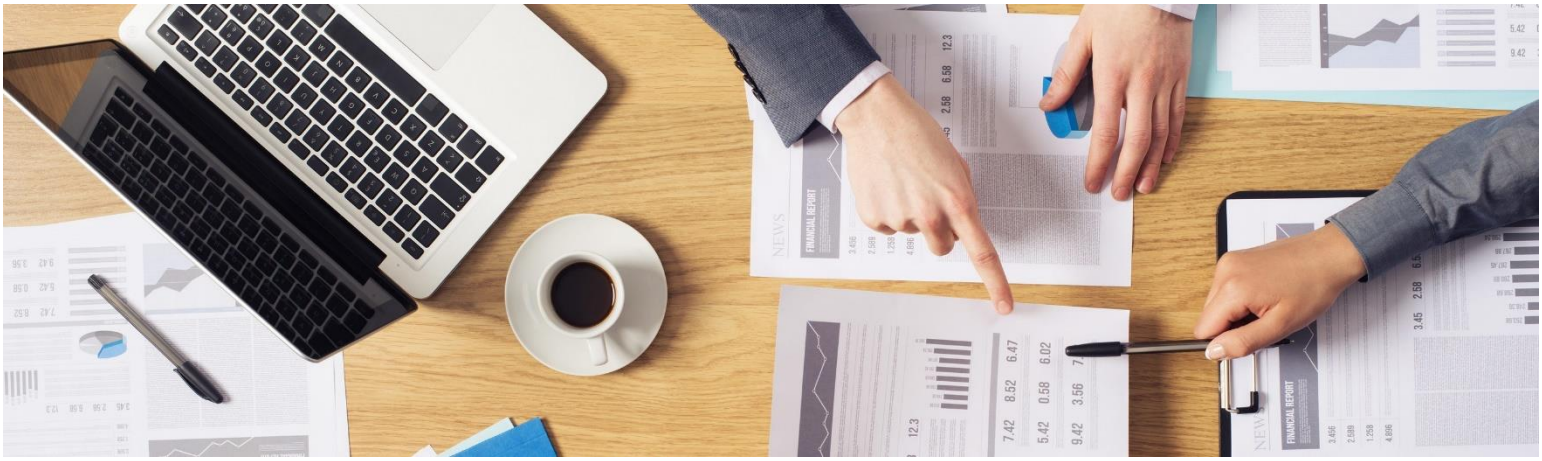
MSN - Tập đoàn Masan - The Sherpa – một thành viên của Masan Group thông báo đã hoàn tất mua lại 70% cổ phần của Công ty cổ phần Mobicast (Mobicast) với tổng giá trị tiền mặt là 295,5 tỷ đồng, bước đầu mở rộng sang lĩnh vực viễn thông.

NT2 - CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Thông báo sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền vào ngày 30/09/2021. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 29/09/2021.

PDR - CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt - Đã thông qua phương án phát hành đợt trái phiếu thứ 6 trong năm với giá trị 270 tỷ đồng, kỳ hạn 2 năm. Lãi suất 13%/năm, được trả định kỳ 3 tháng/lần. Thời gian phát hành dự kiến trong tháng 9.

Mục đích phát hành nhằm tài trợ vốn cho công ty con thực hiện dự án Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp Astral City (quy mô 3,73 ha, tại tỉnh Bình Dương) và dự án Hạ tầng kỹ thuật nội bộ khu I - Khu Cổ Đại (quy mô 84,1 ha, tại quận 9, TP HCM).

TV4 - CTCP Tư vấn Xây dựng điện 4 - Ngày 06/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức, ngày đăng ký cuối cùng là 07/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:12 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 12 cổ phiếu mới).

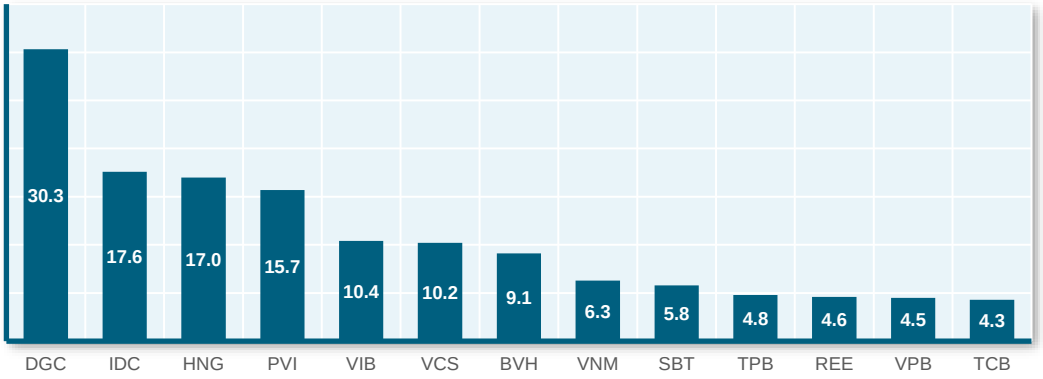


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thưởng	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



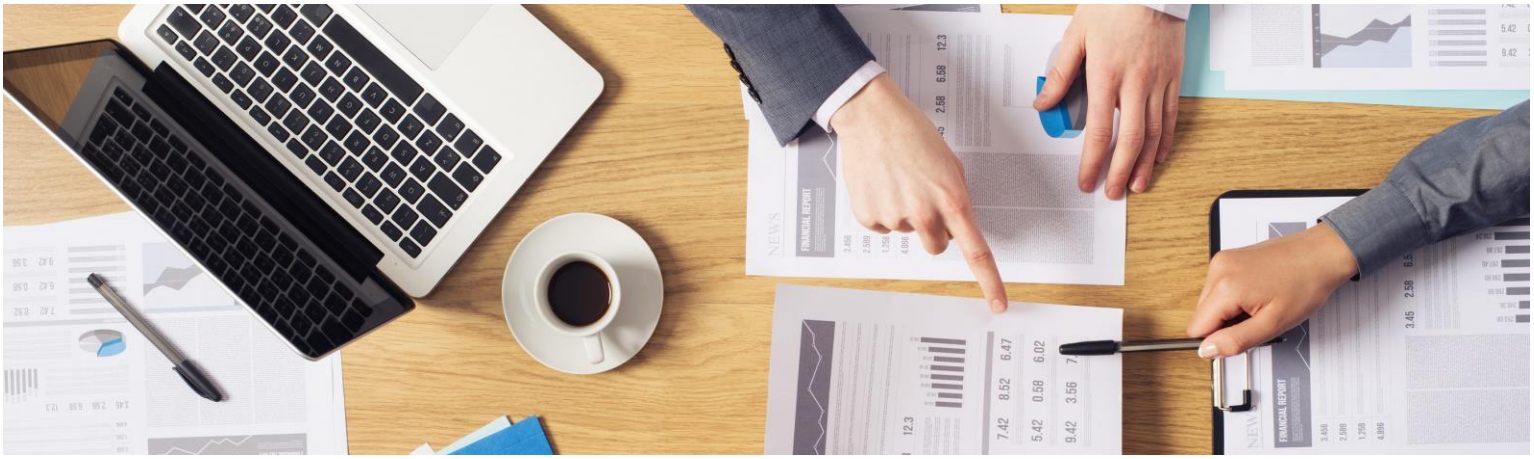
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	66.8	4,623,100	13.2	2.7	-	8,100	164,979	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	38.8	1,070,500	6.9	2.9	-	500	60,262	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	99.5	362,800	18.0	3.5	619,200	31,700	369,033	23.56	5,532	28,293
VBB	HNX	17.4	92,838	21.0	1.5	-	-	8,312	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.6	576,007	14.7	1.3	-	-	7,831	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	40.1	4,172,000	8.8	2.1	15,900	-	46,984	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	50.5	4,960,100	10.9	2.1	-	-	176,998	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.7	8,394,800	13.9	1.6	52,800	150,900	50,335	15.67	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.7	1,903,900	20.7	2.9	-	-	47,927	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.5	13,740,928	12.1	1.9	1,000	4,300	51,027	3.96	2,183	14,014
SGB	HNX	18.5	193,603		1.5	-	-	5,698	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	23.7	134,406	32.1	1.8	-	200	7,110	15.00	739	13,529
OCB	HNX	24.1	1,981,200	6.3	1.4	67,400	22,000	32,946	21.96	3,799	17,827
NVB	HOSE	30.6	401,010	149.3	2.9	-	100	12,448	8.53	205	10,726
NAB	HOSE	20.4	236,926	6.1	1.2	500	-	9,312	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	29.0	2,806,700	8.8	1.7	-	-	34,075	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.0	9,303,300	7.2	1.4	3,288,300	114,400	105,793	23.63	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.6	3,634,000	8.7	1.6	-	4,600	27,201	3.62	2,591	14,466
KLB	HOSE	22.4	140,100	11.0	1.6	-	-	7,166	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.5	1,509,200	6.6	1.5	189,300	362,300	50,702	18.41	3,854	17,399
EIB	HOSE	24.8	580,100	28.4	1.8	5,100	700	30,490	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	31.4	7,714,100	7.1	1.3	73,900	1,379,100	150,660	24.61	4,394	25,028
BVB	HOSE	20.9	2,737,879	18.1	1.6	-	-	7,672	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	39.6	1,267,800	15.8	1.9	2,000	162,900	159,272	16.63	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.3	46,954	23.5	1.8	-	-	15,800	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.6	2,681,700	6.8	2.1	-	-	85,382	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.3	1,265,745	7.6	1.3	-	-	12,169	30.00	2,801	16,671
			76,531,696	18.60	1.88	4,315,400	2,241,800	1,737,583		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	42,100	13,917,102	36,762,007	2,647.4	15.9	2.38	17,724
VCI	UPCOM	63,700	5,728,905	21,212,100	3,445.7	18.5	2.15	29,655
HCM	HNX	52,900	5,807,575	16,136,714	3,099.8	17.1	3.39	15,612
VND	UPCOM	52,900	9,606,295	22,695,624	6,320.1	8.4	2.53	20,939
SHS	UPCOM	38,700	6,542,224	8,021,279	5,431.3	7.1	2.16	17,951
MBS	UPCOM	33,900	3,290,619	9,071,672	1,470.3	23.1	2.58	13,147
FTS	HOSE	64,500	788,348	9,517,766	3,583.0	18.0	3.63	17,751
VIX	HNX	18,600	4,412,780	2,375,573	5,549.5	3.4	1.15	16,190
AGR	HOSE	16,700	3,225,802	3,516,479	1,000.6	16.7	1.71	9,775
BSI	UPCOM	27,500	1,450,911	3,337,115	2,231.6	12.3	2.16	12,711
ORS	HNX	26,600	1,762,397	5,320,000	1,944.6	13.7	2.52	10,574
VDS	HOSE	34,100	1,138,777	3,584,069	3,856.6	8.8	2.65	12,884
CTS	HOSE	28,000	1,779,621	2,979,189	2,676.3	10.5	2.02	13,885
TVS	HOSE	37,200	136,380	3,654,348	5,036.9	7.4	2.50	14,852
BVS	UPCOM	32,700	923,177	2,360,945	3,242.7	10.1	1.22	26,909
EVS	HOSE	33,000	355,563	2,079,013	3,859.6	8.6	2.33	14,167
SBS	HOSE	15,400	4,024,359	1,950,564	79.4	194.0	9.37	1,643
PHS	HOSE	18,300	1,551	2,561,991	979.4	18.7	1.62	11,291
TVB	HOSE	23,000	1,349,264	2,454,456	2,793.8	8.2	1.98	11,645
ART	HNX	10,100	3,912,515	978,917	31.6	319.5	0.88	11,459
TCI	UPCOM	20,100	452,080	994,950	2,671.6	7.5	1.64	12,235
IVS	UPCOM	12,500	140,668	866,875	411.7	30.4	1.27	9,862
BMS	UPCOM	24,800	387,812	1,413,600	4,097.6	6.1	1.91	12,977
APS	HOSE	20,700	2,443,562	807,300	2,387.2	8.7	1.86	11,126
PSI	UPCOM	14,000	418,380	837,778	300.3	46.6	1.33	10,519



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SGN	HOSE	8/10/2021	11/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	GKM	HNX	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
4	BPC	HNX	5/10/2021	6/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CLL	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	HLD	HNX	30/09/2021	1/10/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	ABS	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	TVH	UPCoM	24/09/2021	27/09/2021	27/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,434 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DQC	HOSE	24/09/2021	27/09/2021	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TMP	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	5/10/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,230 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	CAT	UPCoM	23/09/2021	24/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	TMS	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	8/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TMS	HOSE	23/09/2021	24/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	KTC	UPCoM	23/09/2021	24/09/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	SBV	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	22/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	POS	UPCoM	23/09/2021	24/09/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BCF	HNX	23/09/2021	24/09/2021	8/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	CTD	HOSE	22/09/2021	23/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	ARM	HNX	21/09/2021	22/09/2021	22/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	NAG	HNX	21/09/2021	22/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	LHC	HNX	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	LBM	HOSE	21/09/2021	22/09/2021	8/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	ALT	HNX	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	STP	HNX	21/09/2021	22/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VCG	HOSE	21/09/2021	22/09/2021	22/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)
Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889
https://www.vise.com.vn

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028.7108 8848
Fax: 028 3915 2931